

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **473/2018/HNGĐ-ST**
-Ngày: 14/9/2018
- V/v “ xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Trực**

2. Ông **Nguyễn Quốc Thuần**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2018/QĐST- HNGĐ ngày 17/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Hồng A, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: Đường M, phường N, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Dương Chí B, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Trú tại: ấp O, xã P, huyện X, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngô Hồng A trình bày:*

Chị và anh B tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân không tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 03/10/2011. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc tại nhà anh B thuộc ấp O, xã P, huyện X, tỉnh Tiền Giang đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất về vấn đề tiền bạc dẫn đến thường xuyên cãi nhau dần dần tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian này anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên Dương Ngô Thanh C, sinh ngày 12/10/2011, hiện đang sống cùng anh B. Ly hôn, chị đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Dương Chí B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc quan điểm giải quyết vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị A xin ly hôn với anh B nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "xin ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại ấp O, xã P, huyện X, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện X có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn Dương Chí B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị và anh B tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 03/10/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A xin ly hôn với anh B nên được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A và anh B ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian đó đến nay, anh chị cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhiều lần mời anh B đến dự phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đến lần thứ hai nhằm động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh, chị nhưng anh B không đến, điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên Dương Ngô Thanh C, sinh ngày 12/10/2011. Theo biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 11/6/2018, cháu C hiện đang sống cùng anh B và do anh B trực tiếp chăm sóc, ổn định về chỗ ở, nơi học tập. Chị A cũng đồng ý để cháu C cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cho cháu C có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện quyền lợi về mọi mặt nên Hội đồng xét xử đồng ý để cháu C cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt và không thể hiện yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Chị A đã được giải thích nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị A cho rằng hiện tại chị không có công việc, thu nhập không ổn định, chị đang ở nhà thuê... nên chị chưa có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết sau này các bên có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị A trình bày vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, nợ chung trong khi anh B vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh B không phải chịu án phí.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Hồng A.

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Hồng A được ly hôn với anh Dương Chí B.

2. Về con chung: Anh Dương Chí B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Ngô Thanh C, sinh ngày 12/10/2011;

Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

Chị A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 36461 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy chị A đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài

